

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2026

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

Năm 2025, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tiếp tục được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Trọng tâm là các hoạt động “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số”; các cấp, các ngành trong tỉnh đã tích cực triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, gắn với cải cách hành chính, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

- Trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 09/9/2025 về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025 (gọi tắt là Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 09/9/2025) đặt ra 33 mục tiêu (05 mục tiêu hạ tầng số, 09 mục tiêu chính quyền số, 08 mục tiêu kinh tế số, 06 mục tiêu xã hội số và 05 mục tiêu nhân lực số) và 08 nhóm nhiệm vụ để thực hiện. Sau thời gian triển khai thực hiện chuyển đổi số trên cả 03 trụ cột (chính quyền số, kinh tế số và xã hội số), các chỉ tiêu về công tác chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp cơ bản đạt yêu cầu đề ra (chi tiết kết quả thực hiện tại **Phụ lục I**).

- Kết quả xếp hạng chuyển đổi số (DTI) tỉnh Đồng Tháp¹ năm 2024 (do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố) xếp hạng 27/34 tỉnh, thành phố (trong đó: chỉ số thành phần Chính quyền số xếp hạng 30, Kinh tế số xếp hạng 22; Xã hội số xếp hạng 24).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

¹ Kết quả các chỉ số chính của tỉnh/TP sau sáp nhập được tính toán, xếp hạng dựa trên giá trị trung bình cộng các chỉ số chính của các tỉnh trước sáp nhập.

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2025, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Trong đó, tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, điều hành chính quyền hai cấp.

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, trọng tâm là: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 13/8/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp² (gọi tắt là *Ban Chỉ đạo*). Trong đó, đã xác định rõ trách nhiệm của 16 thành viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao về chuyển đổi số. Ban Chỉ đạo đã tổ chức các phiên họp

² Trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Tiền Giang và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Đồng Tháp (cũ), Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp (cũ), Ban Chỉ đạo Tổ Công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (cũ) tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp

thường kỳ, đột xuất để kịp thời chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh tổ chức các Đoàn kiểm tra, giám sát tình hình kết quả thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp (*lồng ghép kiểm tra nội dung chuyển đổi số trong các cuộc kiểm tra của Lãnh đạo UBND tỉnh về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội*) để nắm bắt tình hình, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai vận hành các hệ thống thông tin, tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Thường xuyên rà soát, ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về chuyển đổi số; tích cực, chủ động phát hiện những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, điều hành để kịp thời xử lý, đảm bảo các hoạt động thông suốt, liên tục, không gián đoạn.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác chuyển đổi số đã được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của tỉnh, song ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức của người đứng đầu và cán bộ phụ trách vẫn chưa thật sự đầy đủ, xuyên suốt, chưa coi đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược, lâu dài. Do đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc triển khai còn hình thức, thiếu tính chủ động và sáng tạo, chủ yếu triển khai các văn bản cấp trên; Việc theo dõi, giám sát, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương về chuyển đổi số còn chưa thực sự được quan tâm và sát sao.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện định hướng tại các Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy. Tỉnh đã tập trung triển khai các nhiệm vụ nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng thể chế và ban hành nhiều chương trình, chính sách, văn bản chỉ đạo để cụ thể hóa triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương như: Kế hoạch số 11/KH-TU, số 13/KH-TU³; số 253/KH-UBND, số 254/KH-UBND, số 283/KH-UBND, 315/KH-UBND⁴,... và nhiều văn bản hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho địa

³ Kế hoạch số 11/KH-TU ngày 13/8/2025 về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 13/KH-TU ngày 15/8/2025 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh

⁴ Kế hoạch số 253/KH-UBND về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 17/9/2025 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị

phương, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong triển khai chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, điều hành chính quyền 02 cấp.

Tỉnh đã rà soát, cập nhật, điều chỉnh, ban hành các quy chế về quản lý, vận hành các hệ thống thông tin (HTTT) dùng chung của tỉnh, các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) chuyên ngành; đồng thời, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các HTTT dùng chung của tỉnh phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc cụ thể hóa thành mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện của từng ngành, lĩnh vực và địa phương chưa bám sát thực tế, thực tiễn. Kế hoạch chuyển đổi số của một số ngành xây dựng chưa có nhiệm vụ cụ thể, mang tính chất chung chung.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Tỉnh xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo cùng với sự chủ động, tích cực của các sở, ban, ngành, địa phương triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số đồng bộ, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. Công tác tổ chức triển khai được thực hiện nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Chú trọng việc đầu tư hạ tầng số, triển khai các HTTT, máy trạm, thiết bị, phần mềm phục vụ công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính. Hạ tầng trang thiết bị CNTT tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh tiếp tục được vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả với 41 máy chủ phiên (*24 máy chủ phiên đặt tại hệ thống hạ tầng chính, 17 máy chủ phiên đặt tại hệ thống hạ tầng dự phòng*) và 16 máy chủ rack phục vụ cho 29 HTTT, cơ sở dữ liệu (CSDL) của các sở, ngành. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP) tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các HTTT.

Hạ tầng kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã⁵. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến hoạt động thông suốt với 111 điểm cầu⁶ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến cấp xã.

quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số 315/KH-UBND ngày 02/10/2025 về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025.

⁵ *Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai, duy trì đến 119 cơ quan hành chính các cấp (17 sở, ngành thuộc UBND tỉnh; 102 UBND xã, phường) với tốc độ đường truyền tại mỗi đơn vị là 06 Mbps.*

⁶ *Gồm 111 điểm cầu: 09 điểm cầu cấp tỉnh và 102 điểm cầu tại UBND cấp xã.*

Hạ tầng bưu chính viễn thông tiếp tục được phát triển với hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh⁷; Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt và phát sóng 793 trạm 5G tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) được triển khai và đưa vào khai thác sử dụng phục vụ công tác điều hành trên môi trường số của lãnh đạo tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng thiết bị CNTT (máy chủ,...) của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã được nâng cấp bổ sung, thay thế kịp thời theo từng dự án về CNTT của tỉnh để đảm bảo duy trì được hoạt động ổn định của toàn bộ hệ thống. Tuy nhiên, về cơ bản hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư đã khá lâu, khó đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số ngày càng cao. Tỷ lệ trạm di động 5G chưa cao chủ yếu tập trung ở các khu vực trung tâm như Mỹ Tho, Cao Lãnh, Sa Đéc,...

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực chuyển đổi số được tỉnh Đồng Tháp quan tâm triển khai thường xuyên, gắn với thực hiện các mục tiêu của chuyển đổi số. Trong năm 2025, tỉnh đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), đặc biệt là cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ phụ trách chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCĐ). Nội dung đào tạo tập trung vào nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng các HTTT và sử dụng dữ liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý nhà nước, kết quả cụ thể:

- Đã tổ chức 15 lớp tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành HTTT dùng chung cho 4.324 lượt công chức, viên chức (*03 lớp về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; 03 lớp về hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; 03 lớp về sử dụng chữ ký số*).

- Đã tổ chức 08 lớp đào tạo về ứng dụng, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho đội ngũ CBCCVC và người dân trên địa bàn tỉnh, với tổng số hơn 1.500 người tham dự (*02 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng tìm kiếm, sử dụng thông tin với AI; phân tích và trực quan hóa dữ liệu bằng bảng tính; 04 lớp triển khai thí điểm hệ thống trợ lý ảo AI và 02 lớp triển khai ứng dụng AI cho các sở, ban, ngành và 01 khóa dành cho người dân*).

⁷ Toàn tỉnh hiện có 4.387 vị trí trạm thu phát sóng di động; 3.879.717 thuê bao điện thoại (53.065 thuê bao điện thoại cố định và 3.826.652 thuê bao điện thoại di động); 4.038.596 thuê bao Internet băng rộng (824.688 thuê bao băng rộng cố định và 3.213.908 thuê bao băng rộng di động).

- Đã tổ chức 04 lớp tập huấn quản trị các HTTT dùng chung, đảm bảo an toàn thông tin tại UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh gồm: 02 lớp chuyên đề về hồ sơ liên thông “3 trong 1” và liên thông hộ tịch - tư pháp và 02 lớp tập huấn kỹ năng quản trị mạng cho UBND xã, phường.

Bên cạnh đó, tỉnh đã phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tổ chức các chương trình đào tạo trực tuyến về chuyển đổi số trên các nền tảng học trực tuyến (<https://kynangso.dongthap.gov.vn>) cho CBCCV, doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” phổ cập kỹ năng số cơ bản đến người dân theo Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 15/8/2025 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

b) *Tồn tại, hạn chế*: Hiện nay, ở cấp xã phường mới kiện toàn tổ chức nên một số xã, phường phân công cán bộ kiêm nhiệm về công tác chuyển đổi số; Mặt khác, kỹ năng số của người dân chưa đồng đều (nhất là ở vùng sâu, vùng xa và người lớn tuổi) nên việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số còn nhiều hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) *Kết quả đạt được*:

Việc tạo lập, phát triển dữ liệu số được đẩy mạnh thực hiện “làm giàu” CSDL quốc gia, CSDL của Bộ, ngành; đồng thời, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các HTTT của tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); Hiện tại, 100% ứng dụng có dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, sử dụng qua LGSP, trên 79% số dịch vụ dữ liệu⁸ có trên NDXP được tỉnh đưa vào sử dụng chính thức.

Công dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.dongthap.gov.vn>) đến thời điểm thực hiện cung cấp dữ liệu của 13 lĩnh vực⁹ và 88/157 nhóm dữ liệu hiện hành có API để cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nếu có nhu cầu kết nối. Việc tạo lập, phát triển dữ liệu số tiếp tục được thực hiện, vận hành, khai thác sử dụng các

⁸ Nền tảng LGSP đã kết nối với 15 CSDL/HTTT, trong đó có 11 CSDL/HTTT Quốc gia được Bộ Thông tin và Truyền thông chia sẻ qua trực hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp quốc gia (NDXP) bao gồm: CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam), CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật, Hệ thống cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch, Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, HTTT quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam, Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Hệ thống quản lý giao thông vận tải, Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG) của Văn phòng Chính phủ; CSDL quốc gia về dân cư của Bộ Công an và 04 CSDL/HTTT của tỉnh bao gồm: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVB), Phần mềm Vilis, HTTT giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tiền Giang, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức viên chức.

⁹ 13 lĩnh vực gồm: giáo dục, công nghệ thông tin và truyền thông, giao thông vận tải, khoa học, kinh tế, lao động, tài nguyên - môi trường, nông nghiệp, tài chính, văn hóa, du lịch, xã hội, xây dựng, sức khỏe (theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND-HC ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh về ban hành danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Tháp).

HTTT/CSDL các ngành¹⁰ từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ với các HTTT/CSDL của Bộ, ngành và của tỉnh trong công tác quản lý nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ các CSDL/HTTT giữa các bộ, ngành, địa phương gặp nhiều khó khăn do phải phối hợp với nhiều cơ quan, đơn vị; tỷ lệ các dữ liệu dùng chung của các cơ quan, đơn vị với các nền tảng số dùng chung của tỉnh chưa cao; tạo lập CSDL chuyên ngành còn chậm.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Về công tác đảm bảo an toàn thông tin cho các HTTT dùng chung đang được vận hành tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu được đảm bảo. Hệ thống tường lửa tại Trung tâm THDL được xây dựng với nhiều lớp, nhiều phân vùng; hệ thống phòng, chống mã độc tập trung kết nối với Cục An toàn thông tin, hơn 9.000 bản quyền phần mềm phòng, chống mã độc được triển khai cài đặt cho CBCCVN trên địa bàn tỉnh. Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng được triển khai kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Các HTTT dùng chung của tỉnh được đưa lên mạng truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo khai thác, sử dụng an toàn.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đã được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chuyên đổi số, song tại một số đơn vị, việc nhận thức về tầm quan trọng của bảo mật hệ thống và dữ liệu còn hạn chế.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

HTTT dùng chung của tỉnh¹¹ được nâng cấp và mở rộng phạm vi phục vụ chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025. Việc sử dụng thống nhất các nền tảng số dùng chung đem lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số, cụ thể:

(1) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đã được kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia với Văn phòng Chính phủ, các Bộ,

¹⁰ Các HTTT/CSDL các ngành của tỉnh cũng đang được xây dựng, trong đó đã hoàn thành cơ sở dữ liệu dùng chung về quản lý công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; Hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Tiền Giang; Cơ sở dữ liệu ngành công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); Hệ thống thông tin Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành y tế (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa thể thao và du lịch.

¹¹ Các HTTT dùng chung của tỉnh: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (<https://dichvucong.dongthap.gov.vn>); (2) Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (<https://vpdt.dongthap.gov.vn>); (3) Hệ thống hợp trực tuyến; (4) Hệ thống Công thông tin điện tử; (5) Hệ thống thư điện tử công vụ (<https://mail.dongthap.gov.vn>); (6) Hệ thống thông tin báo cáo.

ngành, Trung ương và 100% cơ quan, đơn vị các cấp (tỉnh, xã) trong tỉnh. Đến nay, 100% các sở, ngành và UBND các xã, phường có tỷ lệ xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt trên 95%.

(2) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được nâng cấp, hiệu chỉnh phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng yêu cầu triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia. Đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã tích hợp 1.900 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (*gồm: 1013 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 887 dịch vụ công trực tuyến một phần*). Đồng thời, triển khai đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC) không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp¹². Kể từ ngày 01/7/2025, Hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 431.197 hồ sơ trực tuyến (324.332 hồ sơ) và hồ sơ trực tiếp (số hóa 106.685 hồ sơ). Trong đó, số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình 110.535/324.332 hồ sơ, đạt 32,28%. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến. Việc khai thác, sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã có tác động tích cực đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng. Cụ thể (theo số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tính đến ngày 30/10/2025): Đồng Tháp thuộc nhóm mức xếp loại tốt với xếp hạng 10/34 tỉnh, thành phố (cải thiện qua từng tháng); các chỉ số đều có xu hướng tăng: (1) Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt tỷ lệ 79,2%; (2) Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt tỷ lệ 50,79%; (3) Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ 91,45%.

(3) Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đồng Tháp được nâng cấp và mở rộng phục vụ cho tỉnh Đồng Tháp. Đến nay, Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đồng Tháp đã được triển khai đồng bộ đến 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã được cấp hộp thư điện tử công vụ với hơn có 37.265 tài khoản thư điện tử được cấp. Hệ thống đã từng bước trở thành công cụ chính trong trao đổi văn bản, tài liệu và chỉ đạo điều hành giữa các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần giảm thiểu việc sử dụng văn bản giấy, tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính.

¹² Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Kế hoạch đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC) không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

(4) Hệ thống Công thông tin điện tử phiên bản mới gồm 01 Công thông tin điện tử tỉnh và 116 Trang thông tin điện tử thành phần (14 Sở, ban, ngành tỉnh và 102 xã, phường trên địa bàn tỉnh) đúng theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho nhu cầu khai thác, tìm kiếm thông tin, tài liệu của người dân, doanh nghiệp.

(5) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối 100% xã, phường trên toàn tỉnh (hệ thống được kết nối từ Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đến 102 xã, phường) hoạt động ổn định, số lượng cuộc họp trực tuyến ngày càng tăng. Ngoài ra, hình thức họp trực tuyến đến từng thiết bị cá nhân cũng được triển khai.

b) Tồn tại, hạn chế: Một số HTTT, CSDL chuyên ngành được đầu tư, triển khai tại các sở, ngành và địa phương còn phân tán, thiếu tính đồng bộ, chưa hình thành hệ thống dữ liệu thông nhất dùng chung. Việc kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, chưa phát huy đầy đủ vai trò nền tảng của dữ liệu trong xây dựng chính quyền số.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Hoạt động kinh tế số tiếp tục được đẩy mạnh và triển khai trong các lĩnh vực kinh tế. Toàn tỉnh hiện có 100% doanh nghiệp đăng ký và nộp hồ sơ khai thuế qua mạng; 95,59% doanh nghiệp đang hoạt động nộp thuế điện tử; có 81,14% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 27,26% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx; 62,58% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. Song song với đó, 100% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đã triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, các cơ sở y tế đã triển khai thiết bị đọc thẻ căn cước công dân gắn chip thay cho việc khai báo thẻ bảo hiểm y tế; 100% công dân từ đủ 14 tuổi trên địa bàn tỉnh có thẻ căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước và được Bộ Công an ghi nhận cơ bản hoàn thành công tác thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân. Trên địa bàn Đồng Tháp có 61 chi nhánh ngân hàng, 499 ATM, 2.279 POS và 154.617 điểm chấp nhận thanh toán bằng mã QR. Kinh tế số đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh, tỷ trọng đóng góp kinh tế số của tỉnh trong tổng quy mô nền kinh tế đạt 6,68%¹³. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi nhận thức, cách làm truyền thống của doanh nghiệp, người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong tỉnh ra ngoài tỉnh.

¹³ Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP: chiếm 6,68%; với 8.219 tỷ đồng/Tổng giá trị GRDP của tỉnh là 123.048 tỷ đồng (theo số liệu Báo cáo DTI năm 2024).

Hạ tầng viễn thông phục vụ phát triển xã hội số tiếp tục được chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ; mạng di động 4G phủ sóng đến tất cả các khu vực trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ xã có hạ tầng băng rộng cáp quang đạt 100% (102/102); Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% xã, phường; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% địa bàn đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và doanh nghiệp.

Hoạt động xã hội số được tiếp tục thực hiện thông qua triển khai Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”, cấp phát mới 6.655 tên miền quốc gia .vn (biz.vn) cho các doanh nghiệp mới thành lập và hộ đăng ký kinh doanh trên, nâng tổng số tên miền .vn đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên 14.621 tên miền; tiếp tục duy trì hoạt động các Tổ CNSCĐ ở cấp cơ sở với nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và đời sống như: hướng dẫn cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; cài đặt trên ứng dụng VNeID; cài đặt ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt như Viettel Money; Hình thành Sàn thương mại điện tử Tỉnh (<http://www.dongthaptrade.com.vn/>) để hỗ trợ các doanh nghiệp, chủ thể OCOP phát triển đa kênh bán hàng, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng các sàn thương mại điện tử; cài đặt ứng dụng E-DongThap, tạo mã QR thanh toán cho các hộ kinh doanh vừa và nhỏ; đăng ký chữ ký số cá nhân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về kinh tế số: Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP còn thấp so với yêu cầu mục tiêu đặt ra trong năm 2025 là 15% GRDP. Hoạt động của các Sàn thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh chủ yếu chỉ giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, chưa thực hiện được chức năng giao dịch trực tuyến trên Sàn thương mại điện tử.

- Về xã hội số: Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân còn thấp. Nguyên nhân do nhu cầu của người dân còn thấp. Kỹ năng số của một số người dân, đặc biệt ở một số địa bàn khu vực nông thôn, vùng sâu, khó khăn còn thấp và chưa sử dụng thành thạo tài khoản ngân hàng và người dân chưa có thói quen thanh toán không dùng tiền mặt.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Tỉnh xây dựng kế hoạch¹⁴ và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển

¹⁴ Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 08/10/2025: về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025.

đổi số quốc gia năm 2025 và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa¹⁵. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025 đã được các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức nghiêm túc, đồng bộ và đạt hiệu quả thiết thực trên toàn tỉnh từ ngày 01/10 đến ngày 31/10/2025. Tỉnh đã triển khai đồng bộ, sáng tạo nhiều hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng phong trào chuyển đổi số với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực như: Hiển thị bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức; Tuyên truyền qua bảng LED, màn hình LED ngoài trời với chủ đề “Chuyển đổi số: nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn”; Tuyên truyền cổ động trực quan tại trụ sở các cơ quan, ban ngành tỉnh, UBND các xã, phường; các Khu Công nghiệp, doanh nghiệp, Hợp tác xã; trường học; các khu vực chợ, tuyến đường lớn... với khoảng hơn 1.020 băng rôn và 612 pano tuyên truyền. Nhiều hoạt động tiêu biểu được triển khai như “Bình dân học vụ số”, “Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến” và “Phổ cập chữ ký số cho người dân trong 30 ngày”. Ngoài ra, tại các xã, phường đã tổ chức các mô hình điểm về chuyển đổi số như: “Một công dân - một danh tính số”, “Đại sứ số”, “Chợ 4.0 - Nông thôn số” đã tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, góp phần nâng cao nhận thức, hình thành thói quen về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác phối hợp tuyên truyền ở một số đơn vị chưa thật sự đồng bộ; hình thức tổ chức các hoạt động còn mang tính truyền thống, chưa ứng dụng nhiều công nghệ mới; một bộ phận người dân, doanh nghiệp ở khu vực nông thôn vẫn còn hạn chế trong tiếp cận thông tin và tham gia các hoạt động chuyển đổi số.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Tỉnh đã đăng tải nhiều tin bài về chuyển đổi số, cảm nang chuyển đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ (bản điện tử) trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị; lồng ghép nội dung của Nghị quyết 57-NQ/TW, Quyết định số 749/QĐ-TTg vào “Chuyên mục Chuyển đổi số” được phát sóng định kỳ trên Báo và Phát thanh và Truyền hình tỉnh; định hướng cho các cơ quan báo đài tuyên truyền, phổ biến, tăng cường tin, bài về các chính sách, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc chuyển đổi số, phổ biến, nhân rộng các điển hình đổi mới công nghệ, chuyển đổi số thành công; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Trang thông tin điện tử của các xã, phường chưa có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

¹⁵ Báo cáo số 2558/BC-SKH&CN ngày 04/11/2025 về Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025.

a) *Kết quả đạt được*: Tỉnh đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp; hệ thống truyền thanh cơ sở; các nền tảng mạng xã hội gắn với chủ đề năm 2025 “*Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số*”. Đồng thời, công tác truyền thông về chuyển đổi số được các cơ quan báo chí tăng cường thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, tăng cường tin, bài, thời lượng phát sóng.

b) *Tồn tại, hạn chế*: Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số vẫn còn rời rạc; hình thức triển khai chưa phong phú nên hiệu quả chưa rõ nét, chưa có sức lan tỏa sâu rộng đến cộng đồng người dân trên địa bàn tỉnh. Số lượng người quan tâm, theo dõi Chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh chưa cao; việc tuyên truyền tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa được quan tâm đúng mức và hiệu quả còn hạn chế.

10. Kinh phí thực hiện

Trong năm 2025, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu, bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện những nội dung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; Đồng thời, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đã chú trọng ưu tiên bố trí kinh phí để phát triển hạ tầng số, cung cấp mạng lưới bưu chính, viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và Nhân dân đảm bảo chất lượng và an toàn an ninh thông tin trong tình hình mới.

Tổng kinh phí được phân bổ trong năm 2025 cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW năm 2025 là 292.308 tỷ đồng, trong đó: 177,792 tỷ đồng phân bổ cho ứng dụng CNTT - chuyển đổi số cấp tỉnh (*vốn chi thường xuyên theo Đề án 05-ĐA/TU ngày 11/9/2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp là 61,691 tỷ đồng, vốn đầu tư công 116,101 tỷ đồng*).

Số kinh phí đã giải ngân đến ngày 05/01/2026 là 174,109 tỷ đồng, đạt 59,56% (174,109 tỷ đồng/292,308 tỷ đồng). Trong đó: chi đầu tư là 75,932 tỷ đồng, đạt 65,40% (75,932 tỷ đồng/116,101 tỷ đồng); chi thường xuyên là 98,177 tỷ đồng, đạt 55,72% (98,177 tỷ đồng/176,207 tỷ đồng).

Danh mục các dự án, nhiệm vụ thực hiện năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục II).

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung,

cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 13/8/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026;

- Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026;

- Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 04/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thúc đẩy thanh toán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năm 2026 thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực, tạo bước đột phá trong công tác chuyển đổi số, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh theo hướng hiện đại, minh bạch, an toàn và hiệu quả; tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số cùng cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực để tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện. Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Cung cấp dịch vụ số thuận tiện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; nâng cao Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI), góp phần đưa Đồng Tháp vào nhóm 20 tỉnh dẫn đầu cả nước về DTI (đạt $\geq 0,71$).

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (chi tiết theo Phụ lục III)

III. NHIỆM VỤ

Các nhiệm vụ thực hiện tập trung vào tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số, hoàn thiện thể chế số, phát triển hạ tầng số và dữ liệu số, nhân lực số, nâng cao hiệu quả chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số và xã hội số, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả trên toàn tỉnh nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông.

Danh mục nhiệm vụ, nội dung, tiến độ và phân công cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện (chi tiết theo Phụ lục IV).

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số: Phát huy vai trò chỉ đạo, dẫn dắt chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp; vai trò tham mưu về chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp; đặc biệt là vai trò tiên phong, nêu gương của người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong công tác chuyển đổi số; Phát huy vai trò của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp: Tổ chức thường xuyên, liên tục và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số; lấy truyền thông đa phương tiện là phương tiện chủ yếu để tuyên

truyền, truyền thông về chuyển đổi số; tổ chức các chương trình phổ biến, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản và nâng cao, đặc biệt là thay đổi thói quen sử dụng công nghệ số thường xuyên của mỗi cán bộ và người dân trong công việc và cuộc sống thường ngày.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số: Triển khai các chính sách thu hút cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số (*thuê chuyên gia, chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác về chuyển đổi số,...*) để hỗ trợ Tổ CNSCD; Quan tâm làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ: Phát huy vai trò cầu nối của chính quyền các cấp trong việc đưa các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ số vào hợp tác, đồng hành, tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị và các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực kinh nghiệm để tham gia chuyển đổi số.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính: Huy động và bố trí tối đa nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp, thẩm quyền; các nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, các giải pháp mới.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế: Tăng cường hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương, đơn vị trong và ngoài nước về cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng các công nghệ số mới phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

7. Xây dựng, triển khai các công cụ để đo lường, đánh giá kết quả công tác chuyển đổi số, nhất là kết quả thực hiện các mô hình chuyển đổi số đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, cung cấp kết quả tin cậy phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, ban chỉ đạo chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án, lập dự toán chuyển đổi số gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp

a) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để các nhiệm vụ về chuyển đổi số được triển khai đúng tiến độ, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Chủ động thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối trong công tác theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát, tổng hợp dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các văn bản có liên quan về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn chi thường xuyên và vốn chi đầu tư phát triển để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

5. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch này.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan triển khai tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

c) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch này. Trong đó, tập trung thực hiện việc đôn đốc, kiểm tra, đề ra các biện pháp, giải pháp và hướng dẫn chi tiết, cụ thể để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện¹⁶.

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Định hướng các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông khác để các cấp, các ngành và đông đảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết, hiểu và tích cực tham gia thực hiện.

¹⁶ Việc xây dựng, công bố, cập nhật CSDL quốc gia về TTHC; việc xây dựng, phê duyệt quy trình nội bộ, cập nhật quy trình điện tử; việc chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu, mẫu đơn, mẫu tờ khai để đảm bảo đồng bộ, thống nhất về cấu trúc, tên, mã TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC với các Quyết định công bố, phê duyệt của UBND tỉnh và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Căn cứ nhiệm vụ được phân công các sở, ban, ngành tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiến độ, có trọng tâm, trọng điểm và lựa chọn một công việc mang tính đột phá, triển khai có hiệu quả thiết thực nhằm tạo chuyển biến chung đối với công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị¹⁷ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15/4/2026**. Định kỳ báo cáo UBND Tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) tiến độ thực hiện hàng quý (trước ngày 20 tháng cuối quý) và (trước ngày 01/12) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) về các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số yêu cầu tuân thủ nguyên tắc kế thừa, tiếp tục phát huy các thành tựu, kết quả đã đạt được và phù hợp với đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; tuân thủ các quy định về quản lý nguồn vốn, tránh trùng lặp, lãng phí trong đầu tư; đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc; đáp ứng các yêu cầu về tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

c) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 tại địa phương, bảo đảm đạt mức độ 4 về chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ¹⁸, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, gắn với thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch của đơn vị mình; Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 tháng cuối quý) và năm (trước ngày 01/12) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) đánh giá tình hình thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh theo quy định.

10. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

¹⁷ Yêu cầu: Nội dung của Kế hoạch của các đơn vị, địa phương phải được cụ thể hóa, chi tiết các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ; phân công đơn vị/cá nhân chủ trì/phối hợp và xác định mốc thời gian, lộ trình thực hiện hoàn thành của từng nhiệm vụ. Trong đó, phải đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả để ưu tiên, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, mũi đột phá đã đề ra tại Kế hoạch này.

¹⁸ Theo Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã (Phiên bản 2.0) do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ. Tham gia đồng hành, tư vấn các giải pháp chuyển đổi số và cung cấp các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số phù hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số, xã hội số theo mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch này.

11. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên huy động lực lượng nòng cốt, trẻ, am hiểu công nghệ tham gia vào thành phần Tổ Công nghệ số cộng đồng. Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

12. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp, Trung tâm Tin học và Công báo, các cơ quan báo chí, truyền thông hoạt động trên địa bàn tỉnh

Tăng cường tuyên truyền và phổ biến thông tin về chủ trương, chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số; truyền tải các mô hình, câu chuyện thành công trong chuyển đổi số, nhằm tạo động lực và cảm hứng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập và làm theo.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin đầu tư, chuyển đổi số, triển khai trong năm 2026 (*chi tiết theo Phụ lục V*).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo và đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như mục VI;
- VPUB: CVP, các PCVP, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KGVX (vttoan)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
Hạ tầng số		
1. Tỷ lệ các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.	100%	ĐẠT Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã ¹⁹ .
2. Phân đấu 100% các hệ thống thông tin, nền tảng số được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.	Phấn đấu 100%	CHƯA ĐẠT Hạ tầng trung tâm THDL tỉnh được trang bị đã lâu, khó đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, các hệ thống thông tin chưa được dịch chuyển, thiết lập trên cơ sở công nghệ điện toán đám mây.
3. Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang.	85%	ĐẠT 86,58% hộ gia đình có FTTH tính đến Quý 3/2025, (số liệu do Cục Viễn thông cung cấp).
4. Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh.	80%	ĐẠT Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 97,50% (Đồng Tháp).

¹⁹ Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai, duy trì đến 119 cơ quan hành chính các cấp (17 sở, ngành thuộc UBND tỉnh; 102 UBND xã, phường) với tốc độ đường truyền tại mỗi đơn vị là 06 Mbps.

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
5. Nâng cấp, bổ sung thiết bị hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo năng lực xử lý, cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và bảo đảm an toàn thông tin.	Hoàn thành	ĐẠT Hạ tầng thiết bị CNTT tại TTDL được nâng cấp, bổ sung theo các dự án Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ; dự án Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC),...
Chính quyền số		
1. Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVC TT) toàn trình; Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% TTHC có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến.	100%	CHƯA ĐẠT Đạt 92,78% Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện (1.016/1.095). Kết hợp khai thác, sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến để nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.
2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	Phấn đấu 80%	CHƯA ĐẠT Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình 110.535/324.332 hồ sơ, đạt 32,28% .
3. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, sẵn sàng thanh toán trực tuyến, cho phép thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (<i>ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật</i>); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng.	Duy trì 100%	ĐẠT 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, sẵn sàng thanh toán trực tuyến. Đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã tích hợp 1.900 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<i>gồm: 1013 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 887 dịch vụ công trực tuyến một phần</i>). Đồng thời, triển khai đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC)

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
		không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ²⁰ .
4. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết qua hệ thống Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp dưới dạng điện tử và tạo lập, lưu trữ được cung cấp vào Kho quản lý dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các TTHC được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng DVC TT, thực hiện các TTHC	Phấn đấu 100%	ĐẠT Kể từ ngày 01/7/2025, Hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 431.197 hồ sơ trực tuyến (324.332 hồ sơ) và hồ sơ trực tiếp (số hóa 106.685 hồ sơ), đạt 100% .
5. Tỷ lệ hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận; Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng trong kết quả giải quyết TTHC.	Tối thiểu 60%	ĐẠT Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 83,82% (Nguồn: Cổng DVC Quốc gia)
6. Tỷ lệ báo cáo định kỳ, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của các cơ quan nhà nước được cập nhật,	90%	ĐẠT

²⁰ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Kế hoạch đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC) không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
thực hiện trên Hệ thống báo cáo đa ngành của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.		100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
7. Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá ít nhất 30% tài liệu lưu trữ lịch sử có giá trị cao, tạo tiền đề hoàn thành toàn bộ công tác số hoá tài liệu lưu trữ trong năm 2026.	100%	CHƯA ĐẠT 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành). 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành).
8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước vào HTTT giải quyết TTHC của tỉnh qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVC TT.	Hoàn thành	ĐẠT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được nâng cấp, hiệu chỉnh phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng yêu cầu triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia.
9. Tỷ lệ các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh có các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống họp trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cổng thông tin điện tử...) để đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện	100%	ĐẠT 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh có các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (<i>hệ thống họp trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cổng thông tin điện tử...</i>).

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
mô hình chính quyền địa phương hai cấp.		
Kinh tế số		
1. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và sử dụng nền tảng chuyển đổi số trong hoạt động.	90%	CHƯA ĐẠT Đạt 62,58% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.
2. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thoát trong thu thuế, thất thu ngân sách.	100%	CHƯA ĐẠT Đạt 81,14% doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử.
3. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch.	85%	ĐẠT 85% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch.
4. Tỷ lệ các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt; Trên 50% dịch vụ vận tải triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.	Phấn đấu 100%	ĐẠT 100% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. 50% hộ gia đình ở địa bàn đô thị thanh toán tiền điện, tiền nước qua các phương thức TTKDTM. Trên địa bàn Đồng Tháp có 61 chi nhánh ngân hàng, 203 phòng giao dịch, 499 ATM, 2.279 POS và 154.617 điểm chấp nhận thanh toán bằng mã QR
5. Tiếp tục duy trì và thu hút thêm ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số đặt trụ sở làm việc hoặc văn	02 doanh nghiệp	CHƯA ĐẠT

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
phòng đại diện tại Khu Công viên phần mềm Mê Kông.		Hiện nay, các doanh nghiệp lĩnh vực thuê văn phòng tại Khu Công viên phần mềm Mê Kông: Công ty Cổ phần S3, Công ty App Connect. Năm 2025, chưa có thêm doanh nghiệp mới.
6. Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) được hỗ trợ kinh doanh trên môi trường trực tuyến.	100%	ĐẠT 100% sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) được hỗ trợ kinh doanh trên môi trường trực tuyến.
7. Tỷ trọng kinh tế số chiếm GRDP.	15%	CHƯA ĐẠT Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP: chiếm 6,68%; với 8.219 tỷ đồng/Tổng giá trị GRDP của của tỉnh là 123.048 tỷ đồng.
8. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực.	Tối thiểu 10%	Không có số liệu thống kê.
Xã hội số		
1. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân hoặc chữ ký điện tử để thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử.	Phấn đấu trên 50%	CHƯA ĐẠT Ước đạt 6,4% Hiện toàn tỉnh có khoảng 91.088 chữ ký số cá nhân công cộng
2. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	80%	ĐẠT Ước tính có 91,5% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng, tỷ lệ này của năm 2021 là 63,6%.
3. Tỷ lệ số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.	80%	ĐẠT 86,58% hộ gia đình có FTTH tính đến Quý 3/2025, (số liệu do Cục Viễn thông cung cấp).

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
4. Tỷ lệ học sinh được triển khai học bạ điện tử số và bảng điểm điện tử.	80%	ĐẠT Ước đạt 80% học sinh được triển khai học bạ điện tử số và bảng điểm điện tử
5. Tỷ lệ cơ sở y tế triển khai Sổ sức khỏe điện tử; 80% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Phấn đấu 100%	ĐẠT 100% tài khoản định danh điện tử mức 2 có Sổ sức khỏe điện tử
6. Mỗi người dân có đủ điều kiện đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số e-Dong Thap.	Hoàn thành	ĐẠT Ứng dụng e-Dong Thap được cập nhật, công bố trên các kho ứng dụng mọi người dân đều có khả năng truy cập, khai thác và sử dụng.
Nhân lực số		
1. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc (ứng dụng e-DongThap, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, Cổng thông tin điện tử, Cổng dữ liệu mở, một trong các nền tảng AI: Gemini, ChatGPT, Copilot...).	100%	ĐẠT 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc thông qua nhiều lớp tập huấn trực tiếp, trực tuyến và qua các nền tảng học trực tuyến.
2. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông	80%	ĐẠT Ước đạt 80% người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về kỹ năng số cơ bản theo chỉ tiêu các xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; theo đó, các xã

Mục tiêu	Mục tiêu năm 2025	Kết quả thực hiện
tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số		đã tổ chức các lớp, các đợt tập huấn cho tối thiểu 80% người dân trên địa bàn các xã. Đồng thời thông qua phong trào Bình dân học vụ số.
3. Tỷ lệ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số và công nghệ số.	Phấn đấu 100%	ĐẠT 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số và công nghệ số.
4. Tỷ lệ cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin được bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số.	100%	ĐẠT 100% cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin được bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số.
5. Tỷ lệ thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số.	Phấn đấu 100%	ĐẠT 100% thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/ hiện trạng
1	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang	nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, chống các lỗ hổng bảo mật của hệ thống thư điện tử mà Cục an toàn thông tin đã cảnh báo, chống các thư rác; đảm bảo cung cấp dịch vụ tối ưu, đáp ứng việc cung cấp tài khoản người dùng cho công chức, viên chức theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo trong thời gian tới cấp phát mở rộng lên từ 30.000 đến 40.000 tài khoản người dùng khi hệ thống đăng nhập 1 lần (SSO) của tỉnh triển khai cho tất cả các đơn vị, lấy hệ thống thư điện tử làm tài khoản chính để đăng nhập, xác thực người dùng, đảm bảo đáp ứng tài nguyên mở rộng cho các máy chủ thư điện tử công vụ và các máy chủ khác tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	4.476	Vốn đầu tư	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành.
2	Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu hàng ngày của tỉnh và của tất cả các lĩnh vực thiết yếu đối với người dân và chính quyền (an ninh, trật tự, giao thông, y tế, giáo dục, hành chính công, kinh tế xã hội). Qua đó, giúp điều phối, xử lý tình huống và giúp	11.984	Vốn đầu tư	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành.

		lãnh đạo các cấp điều hành một cách tổng thể; đồng thời, đáp ứng yêu cầu chức năng hệ thống theo các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, góp phần hoàn thành công tác chuyển đổi số của tỉnh.				
3	Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả. - Hình thành cơ sở dữ liệu nguồn hệ thống thông tin cơ sở đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nguồn tuyên truyền, phổ biến đến người dân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở. - Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin và cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. 	7.856	Vốn đầu tư	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành.
4	Hệ thống thông tin ngành Thanh tra (Giai đoạn 1)	đầu tư trang bị các thiết bị công nghệ thông tin bổ sung, thay thế các thiết bị đã hư hỏng không còn sử dụng được, phục vụ cho công tác nghiệp vụ ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh cũng như xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý công tác thanh tra, tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo, phần mềm số hóa tài liệu hồ sơ ngành Thanh tra trong thời gian qua. Từ đó xây dựng một hệ thống thông tin ngành Thanh tra tập trung, hiệu	6.879	Vốn đầu tư	2023 - 2025	Năm 2025: tiếp tục thực hiện giai đoạn thực hiện đầu tư.

		quả đáp ứng cho nhu cầu khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số đang được Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm.				
5	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng	<p>Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng đảm bảo hoạt động liên tục 24/7 đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin của tỉnh đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, rà quét, thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, theo dõi và dự báo, cảnh báo sớm về các hoạt động, diễn biến an toàn thông tin trên không gian mạng tỉnh; Thiết lập mạng lưới giám sát an toàn thông tin mạng đảm bảo liên kết liên thông với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia. - Xây dựng trung tâm điều hành, giám sát an toàn thông tin mạng, có thể kết nối các hệ thống công nghệ thông tin khác của tỉnh để đưa về giám sát và quản lý điều hành tập trung. - Từng bước nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý an toàn thông tin mạng của tỉnh. 	7.598	Vốn đầu tư	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành.
6	HTTT ngành Công an (Giai đoạn 1)	Đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin ngành Công an (Giai đoạn 1) nhằm hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định, tin cậy và an toàn; triển khai các ứng dụng công	24.983	Vốn đầu tư	2025 - 2027	Năm 2025: Thực hiện Giai đoạn đầu tư dự án.

		nghệ số, dữ liệu số trong các lĩnh vực hoạt động của Công an tỉnh; góp phần đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động chỉ huy, quản lý, điều hành của lãnh đạo, chỉ huy và các cơ quan tham mưu, nghiệp vụ trong Công an tỉnh; xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.				
7	HTTT ngành Công Thương (Giai đoạn 1)	Xây dựng hệ thống thông tin ngành Công Thương với giải pháp công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, cung cấp đầy đủ dữ liệu đầu vào cơ bản, cần thiết cho xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, thay đổi phương thức làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ công chất lượng, nhanh chóng về ngành Công Thương; Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, hỗ trợ rộng rãi ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.	4.823	Vốn đầu tư	2025 - 2027	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi)
8	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Đầu tư mua sắm thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	28.100	Vốn đầu tư	2024 - 2025	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án.
9	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ	Xây dựng hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	27.000	Vốn đầu tư	2024 - 2025	

	trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp					
10	Thực hiện Đề án 05-ĐA/TU ngày 11/9/2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp	Thực hiện chuyển đổi số theo Đề án 05- ĐA/TU ngày 11/9/2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp.	61.691	Vốn sự nghiệp	2025	
	Tổng cộng		177.792			

Phụ lục III
CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Trụ cột/ Nhóm chỉ tiêu	Chỉ tiêu cụ thể	Mục tiêu năm 2026	Mục tiêu đến năm 2030	Đơn vị chủ trì
1	Phát triển hạ tầng số	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh.	≥ 90%	100%	Sở KH&CN
2		Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình, 100% xã, phường.	100%	100%	Sở KH&CN
3		Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gbps/s.	≥ 70%	100%	Sở KH&CN
4		Tỷ lệ HTTT của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	≥ 40%	70%	Sở KH&CN
5		Phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...).	Triển khai	Triển khai	Các sở, ban, ngành
6	Phát triển dữ liệu số	Tỷ lệ CSDL của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	100%	≥ 80%	Các sở, ban, ngành
7		Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được chia sẻ, tích hợp thông qua trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	≥ 60%	≥ 85%	Sở KH&CN
8		Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa theo quy định để phục vụ cho việc tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (<i>ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù</i>), đảm bảo người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thực hiện các TTHC.	100%	100%	Các sở, ban, ngành
9		Tỷ lệ cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh cung cấp dữ liệu mở và chia sẻ với Cổng dữ liệu mở (thông qua	100%	100%	

		trục LGSP) để phục vụ cho nhu cầu khai thác dữ liệu của người dân và doanh nghiệp.			
10	Chính quyền số	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.	100%	100%	Các sở, ban, ngành
11		Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền của tỉnh.	100%	100%	VP UBND tỉnh
12		Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥ 70%	100%	VP UBND tỉnh
13		Tỷ lệ báo cáo định kỳ, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của các cơ quan nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	100%	100%	Sở KH&CN
14	Kinh tế số	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số	≥ 30%	≥ 60%	Sở KH&CN
15		Quy mô kinh tế số trên GRDP phần đầu	15 - 20%	≥ 30%	Các sở, ban, ngành
16		Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch.	≥ 85%	100%	Thuế tỉnh
17		Tiếp tục duy trì và thu hút thêm doanh nghiệp công nghệ thông tin đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện tại Khu công viên phần mềm Mê Kông.	≥ 3	≥ 5	Sở Công Thương
18		Tỷ lệ các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	100%	100%	Sở GD&ĐT; Sở Y tế
19	Xã hội số	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	≥ 90%	≥ 95%	Sở KH&CN
20		Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2 đạt	≥ 60%	> 80%	Công an tỉnh
21		Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	Phần đầu đạt 50%	70%	Sở KH&CN

22		Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 13
23		Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	$\geq 75\%$	$\geq 80\%$	Sở KH&CN
24		Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	$> 90\%$	$> 95\%$	Sở Y tế
25		Tỷ lệ hộ gia đình được phủ Internet băng rộng cáp quang	100%	100%	Sở KH&CN
26	Nhân lực số	Tỷ lệ cán bộ, công chức (<i>bao gồm cả cấp tỉnh và cấp xã</i>) được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	100%	100%	Sở KH&CN
27		Tỷ lệ cán bộ phụ trách chuyên đổi số, công nghệ thông tin được bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số	100%	100%	Sở KH&CN
28		Tỷ lệ thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên đổi số, kỹ năng số	100%	100%	Sở KH&CN
29		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.	80%	100%	Sở KH&CN

Phụ lục IV
DANH MỤC NHIỆM VỤ, NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ VÀ PHÂN CÔNG
THỰC HIỆN TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
I	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ			
1	Phát huy vai trò thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; nêu cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc triển khai chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Thường xuyên
2	Tổ chức phiên họp thường kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Hàng quý
3	Triển khai nghiêm túc, kịp thời các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy về chuyển đổi số, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
	đổi số và Đề án 06.			
4	Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình kết quả thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp phù hợp với tình hình thực tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Thường xuyên
II	THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ			
5	Tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 – 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ban, ngành, UBND xã, phường	Tháng 03/2026
6	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 12/2026
7	Tham mưu ban hành Quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ban, ngành, UBND xã, phường	Tháng 12/2026
8	Tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết đặc thù “Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính, đối với các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, thu hút doanh nghiệp công nghệ số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 11/2026
9	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên	Tháng 11/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
	sách địa phương cho dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương		quan; UBND xã, phường	
10	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ kinh phí trực tiếp từ ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc từ Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số phù hợp với điều kiện của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 11/2026
11	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số phù hợp với điều kiện của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 11/2026
12	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên	Tháng 11/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
	sách địa phương cho dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí để sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số phù hợp với điều kiện của địa phương		quan; UBND xã, phường	
13	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo của địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 11/2026
14	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 11/2026
15	Xây dựng và triển khai kế hoạch thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan; UBND xã, phường	Tháng 3/2026
16	Triển khai cập nhật, duy trì Khung Kiến trúc số tỉnh; Duy trì, cập nhật Khung kiến trúc đô thị thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
17	Triển khai các chính sách thu hút nhân lực, cơ chế xét nâng lương/bổ trí ngạch tương ứng khi thay đổi vị trí việc làm theo quy định cho cán bộ làm chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ Sở ban, ngành, UBND xã, phường	Thường xuyên
III	HẠ TẦNG SỐ			
18	Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển mở rộng vùng phủ sóng 5G hướng đến cung cấp dịch vụ 5G tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên
19	Xây dựng, phát triển bền vững hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
20	Chuyển đổi IPv6 cho các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan có liên quan	Tháng 12/2026
21	Xây dựng Kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo Quyết định số 2618/QĐ-BKH-CN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Tháng 5/2026
22	Triển khai các đề án, chương trình, kế hoạch ứng dụng IoT trong các ngành, lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
23	Mua sắm trang thiết bị đảm bảo điều kiện hạ tầng cần thiết phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 03/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
IV	NHÂN LỰC SỐ			
24	Tổ chức các đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
25	Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã; Thuê nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOC).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Tháng 11/2026
26	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về một trong những chuyên đề: Phân tích dữ liệu; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định; xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo, điều hành; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
27	Kiến toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.	UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
28	Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đoàn trực thuộc cử thành viên tham gia làm lực lượng nòng cốt trong Tổ CNSCĐ; phát động phong trào thi đua trong đoàn viên thanh niên tiên phong sử dụng các nền tảng, ứng dụng công nghệ số, tạo sự lan toả trong cộng đồng dân cư.	Tỉnh đoàn	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
29	Chương trình tập huấn chuyên sâu cho Nòng cốt Tổ CNSCĐ và đội hình tình nguyện “Bình dân học vụ số”.	Tỉnh đoàn;	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Tháng 10/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
		Sở Khoa học và Công nghệ		
30	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ Hội Tin học	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Tháng 10/2026
31	Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
V	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ			
32	Tiếp tục xây dựng, phát triển HTTT, CSDL các ngành; khai thác có hiệu quả thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia; Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo quy định.	Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
33	Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các CSDL quốc gia, các CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung của các cơ quan nhà nước vào HTTT giải quyết TTHC của tỉnh qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
34	Thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu Kho quản lý dữ liệu điện tử của	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
	tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.			
35	Tăng cường sử dụng, khai thác có hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
VI	CHÍNH QUYỀN SỐ			
36	Nghiên cứu triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
37	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quán đến cư trú, hộ tịch, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
38	Phân đầu 100% hồ sơ TTHC được giải quyết qua hệ thống Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành; 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp dưới dạng điện tử và tạo lập, lưu trữ được cung cấp vào Kho quản lý dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
39	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.	Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
40	Rà soát điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; cắt giảm thành phần hồ sơ khi dữ liệu được số hóa.	Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
41	Thực hiện báo cáo định kỳ, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của các cơ quan nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống báo cáo đa ngành của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
VII	KINH TẾ SỐ			
42	Triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Tháng 10/2026
43	Triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Tháng 03/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
44	Duy trì 100% sản phẩm OCOP được hỗ trợ kinh doanh trên môi trường trực tuyến.	Sở Công Thương	UBND xã, phường	Thường xuyên
45	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chuyển đổi số.	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Tháng 10/2026
46	Nghiên cứu triển khai sử dụng mô hình do Học viện Công nghệ, Bưu chính Viễn thông phát triển để áp dụng thực hiện đo lường thúc đẩy phát triển kinh tế số tại địa chỉ https://kinhteso.ptit.edu.vn/ khi được hướng dẫn áp dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
47	Tiếp tục duy trì và thu hút thêm ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện tại Khu Công viên phần mềm Mê Kông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Tài chính	Tháng 12/2026
48	Triển khai thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại 100% cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
49	Các dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.	Các doanh nghiệp	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
50	Triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền tại các cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng để chống thất thoát trong thu thuế, thất thu ngân sách.	Thuế Đồng Tháp	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
VIII	XÃ HỘI SỐ			

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
51	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số và tài khoản số tiến tới hình thành công dân số .	Sở Khoa học và Công nghệ; Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
52	Hỗ trợ người dân có tài khoản thanh toán điện tử.	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 13	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
53	Chuẩn hóa xác thực tập trung, hỗ trợ đăng nhập ứng dụng e-DongThap qua VNeID.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Tháng 6/2026
54	Thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 13-KH/BCĐ ngày 15/8/2025 của Tỉnh ủy về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
55	Phổ biến các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs) cho người dân nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ số, kỹ năng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thường xuyên
56	Thực hiện liên thông dữ liệu khám chữa bệnh sử dụng QRcode thẻ Căn cước công dân và VNeID.	Sở Y tế	Công an tỉnh Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 03/2026
57	Phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G.	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
IX	NÂNG CAO NHẬN THỨC TUYÊN TRUYỀN ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ			
58	Định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn Tỉnh tăng cường tuyên truyền các hoạt động chuyển đổi số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì		Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp	
			Trung tâm Tin học và Công báo	
59	Cập nhật thường xuyên tin, bài về hoạt động chuyển đổi số trên Trang Chuyên đổi số của tỉnh, Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử Tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng.	Văn phòng UBND Tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Thường xuyên
60	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm,... về công nghệ số, giải pháp số, chuyển đổi số.	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
61	Tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chuyển đổi số”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Tháng 10/2026
62	Phát động cuộc thi “Đại sứ số Đồng Tháp”.	Tỉnh đoàn, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở VH TT & DL; Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Tháng 10/2026
63	Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp” năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Tháng 11/2026

* **Ghi chú:** Các nhiệm vụ về an toàn thông tin thực hiện theo Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026.

Phụ lục V
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ, NHIỆM VỤ
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ DỰ KIẾN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ			
I	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NĂM 2025			
1	Hệ thống thông tin ngành Công an (giai đoạn 1)	Công an Tỉnh	2025 - 2027	Số 571/QĐ-UBND ngày 28/8/2025
2	Xây dựng Trung tâm thực hành khoa học và giáo dục STEM/STEAM giai đoạn 2025-2026 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh đoàn	2025 - 2026	Số 875/QĐ-UBND- HC ngày 28/02/2025
3	Hệ thống thông tin ngành Công Thương (giai đoạn 1)	Sở Công Thương	2025 - 2027	Số 1721/QĐ-UBND ngày 03/12/2025; Số 2480/QĐ- UBND ngày 31/10/2024
4	Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	2025 - 2026	Số 1121/QĐ-UBND- HC ngày 14/10/2022 Số 1790/QĐ-UBND- HC ngày 04/12/2024
5	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2025 – 2027	Quyết định số 1539/QĐ-UBND

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				ngày 14/11/2025
II	DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG NĂM 2026²¹			
1	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực - giai đoạn 1	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
2	Mở rộng hệ thống AI phân tích dữ liệu thu được từ camera	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
3	Xây dựng ứng dụng công dân số đa nền tảng	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
4	Ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như: giáo dục thông minh, y tế thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, sản xuất thương mại, quản lý năng lượng	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2028	Triển khai sau khi có hướng dẫn hoặc sau khi có Đề án /Chương trình do Bộ chủ quản triển khai.
5	Chuyển đổi số trong hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	2026 - 2028	
6	Đầu tư thiết bị phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	2026 - 2028	
7	Xây dựng Trung tâm An ninh mạng	Công an Tỉnh	2026 - 2027	
8	Hệ thống thông tin ngành Tài chính	Sở Tài chính	2026 - 2028	
9	Triển khai bệnh án điện tử cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Tỉnh	Sở Y tế	2026 - 2028	

²¹ Theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
10	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Sở Y tế	2026 - 2028	Kế hoạch số 738/KH-UBND ngày 17/12/2025
11	Hệ thống thông tin ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	2026 - 2028	
12	Hệ thống thông tin ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2028	
13	Chuyển đổi số trong du lịch	SVHTTDL	2026 - 2028	
14	Thư viện điện tử	SVHTTDL	2026 - 2028	
15	Xây dựng Trung tâm chỉ huy điều hành tác chiến điện tử Công an tỉnh	Công an Tỉnh	2026 - 2028	
16	Mua sắm, trang bị hệ thống camera AI kiểm soát ra/ vào tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	2026 - 2028	
17	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
18	Xây dựng nền tảng IoT	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
19	Xây dựng Hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	Sở Y tế	2026 - 2028	
20	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2028	
21	Xây dựng phần mềm và CSDL quản lý dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	2026 - 2028	
22	Chuyển đổi số Trường Đại học Tiền Giang	Trường ĐHTG	2026 - 2028	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP			
1	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2027	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2027	Quyết định số 2381a/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh
2	Thuê hạ tầng lưu trữ phục vụ cổng thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành phần giai đoạn 2025-2027	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2027	Công văn số 6469/UBND-KT ngày 12/10/2024 của UBND tỉnh
3	Thuê hạ tầng dịch vụ chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2027	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh
4	Thuê phần mềm họp trực tuyến 2 chiều	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2027	Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 05/4/2024
5	Thuê phần mềm phòng, chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc.	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2027	Quyết định 1327/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh
6	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống Cổng Thông tin điện tử tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2026	Công văn số 4999/UBND-KSTT ngày 26/6/2025